

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HSST

Ngày: 30/6/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lường Văn Thiết

2. Bà Đoàn Thị Nhâm.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn – **Thẩm tra viên** Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Mai Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2020/HSST ngày 03/6/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Phan Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 03/8/1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; con ông Phan Văn H (đã chết) và bà Nông Thị L; Hiện sống chung như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Ph; con: Chưa; tiền sự: Không; tiền án: Có 03 tiền án (Tại bản án hình sự sơ thẩm số 23/2009/HSST ngày 16, 17/9/2009 của TAND huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã xử phạt 12 tháng tù và phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 389/2009/HSST ngày 27/11/2009 của TAND thành phố T, tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt 08 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt với bản án số 23/2009/HSST ngày 17/9/2009 của TAND huyện B, tỉnh Bắc Kạn, buộc phải chấp hành hình phạt chung là 09 năm tù. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2010/HSST ngày 03/02/2010 của TAND huyện B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt với bản án số 389/2009/HSST ngày 27/11/2009 của

TAND thành phố Th, tỉnh Thái Nguyên, buộc phải chấp hành hình phạt chung là 09 năm 09 tháng tù). Chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/12/2019 đến ngày 21/12/2019 và bị tạm giữ, tạm giam giam từ ngày 24/5/2020 đến nay. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lường Văn Đ, sinh ngày 16/3/1986; trú tại: Thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B trong một vụ án khác. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 30 phút ngày 12/12/2019, tại khu vực tổ L (nay là tổ 01), phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bắc Kạn bắt quả tang đối với Phan Văn T và Lường Văn Đ về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Kết quả kiểm tra phát hiện và tạm giữ trong túi áo khoác bên trái đang mặc trên người của Phan Văn T có 01 (một) gói được gói bằng 03 lớp túi nilon màu hồng, bên trong được gói bằng mảnh nilon màu đen, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục (Niêm phong trong phong bì T1). Ngoài ra, còn tạm giữ của Phan Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Viettel V6317 đã qua sử dụng, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS biển kiểm soát 97F6 – 31xx đã qua sử dụng và số tiền 170.000đ (một trăm bảy mươi nghìn đồng). Đối với Lường Văn Đ, qua kiểm tra tổ công tác không phát hiện và thu giữ gì.

Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Phan Văn T tại thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Kết quả khám xét không phát hiện thu giữ gì.

Phan Văn T khai nhận: Khoảng 11 giờ ngày 12/12/2019, Phan Văn T và Lường Văn Đ rủ nhau từ thành phố B đi đến tỉnh Thái Nguyên để mua ma túy về cùng sử dụng. Khi đi, Đ là người điều khiển xe mô tô BKS 97F6 – 31xx chở T, đi đến khu vực thị trấn Gi, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên thì T bảo Đ dừng xe và đứng đợi T. T một mình đi bộ vào trong ngõ hẻm mua 2.600.000 đồng ma túy loại Heroine với một người phụ nữ không rõ họ tên, địa chỉ thì được người này đồng ý bán và đưa cho 01 gói ma túy. Toàn bộ số tiền 2.600.000 đồng mua ma túy là tiền của T. Sau khi mua được ma túy, T đi bộ quay trở lại chỗ Đ đang đợi rồi T điều khiển xe mô tô BKS 97F6 – 31xx chở Đ đi về tỉnh Bắc Kạn. Trên đường về, T đã 03 (ba) lần lấy gói ma túy nói trên ra rồi cùng Đ trích một phần ma túy và cùng nhau sử dụng ở ba địa điểm khác nhau. Sau khi sử dụng ma túy lần thứ 03 (ba) tại Km31, Quốc lộ 3, thuộc địa phận huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên, T đưa gói chứa phần ma túy còn lại cho Đ cầm rồi T điều khiển xe mô tô, Đ ngồi sau cầm gói ma túy với mục đích mang về tiếp tục cùng nhau sử

dụng, nếu có lực lượng Công an kiểm tra thì Đ sẽ vứt ma túy để phi tang. Khi đi đến khu vực tổ L (nay là tổ 01), phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thì bị tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bắc Kạn kiểm tra bắt quả tang.

Lường Văn Đ khai nhận: Khoảng 11 giờ ngày 12/12/2019, Phan Văn T và Lường Văn Đ rủ nhau từ thành phố B đi đến tỉnh Thái Nguyên để mua ma túy loại heroine về cùng sử dụng. Khi đi, Đ là người điều khiển xe mô tô BKS 97F6 – 31xx chở T, đi đến khu vực thị trấn Gi, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên thì T bảo Đ dừng xe và đứng đợi T. T một mình đi bộ vào trong ngõ mua ma túy với ai Đ không biết. Toàn bộ số tiền mua ma túy là tiền của T. Sau khi mua được ma túy T quay lại chỗ Đ đang đợi rồi T điều khiển xe mô tô BKS 97F6 – 31xx chở Đ đi về tỉnh Bắc Kạn. Trên đường về, T đã 03 (ba) lần lấy gói ma túy vừa mua ra rồi cùng Đ trích một phần ma túy và cùng nhau sử dụng ở 03 (ba) địa điểm khác nhau. Sau khi sử dụng ma túy lần thứ ba tại Km31, Quốc lộ 3, thuộc địa phận huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên, T đã đưa gói chứa phần ma túy còn lại cho Đ cầm rồi T điều khiển xe mô tô, còn Đ ngồi sau cầm gói ma túy trong tay trái với mục đích mang về tiếp tục cùng nhau sử dụng, nếu có lực lượng Công an kiểm tra thì Đ sẽ vứt ma túy để phi tang. Trên đường từ Km31 về Bắc Kạn, vì trời lạnh nên Đ cho tay cầm gói ma túy vào túi áo khoác bên trái T đang mặc cho đỡ lạnh, khi đi đến khu vực tổ L (nay là tổ 01), phường Xuất Hóa, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thì bị tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bắc Kạn kiểm tra. Khi bị kiểm tra, Đ đã bỏ gói ma túy nói trên ở trong túi áo khoác bên trái T đang mặc và sau đó đã bị tổ công tác phát hiện, thu giữ.

Tiến hành cân riêng số chất bột màu trắng thu giữ trên người Phan Văn T trong phong bì T1 có khối lượng là 2,009g (hai phẩy không không chín gam), niêm phong vào phong bì C1, phong bì bao gói cũ niêm phong vào phong bì C2.

Tại bản kết luận giám định số 162 ngày 17/12/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất bột màu trắng dạng cục có trong phong bì C1 gửi đến giám định là ma túy loại heroine, có khối lượng là 2,009 gam (hai phẩy không không chín gam).

Trong giai đoạn truy tố Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Phan Văn T nhưng T đã tự ý bỏ đi khỏi nơi cư trú, qua xác minh không biết bị can đang ở đâu. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã yêu cầu Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã bị can đồng thời Viện kiểm sát ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can và Quyết định tách vụ án để xử lý sau theo quy định. Ngày 23/5/2020, Phan Văn T ra đầu thú. Ngày 24/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã quyết định phục hồi vụ án đối với bị can Phan Văn T.

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKSTPBK ngày 31/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo Phan Văn T

về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

.....

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Tại phiên tòa:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù.

Hình phạt bổ sung đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL V6517, màu đen viền máy màu xanh nước biển đã qua sử dụng. Bên trong có IMEI1: 354489109606126; số IMEI2: 354489109606134 và 01 (một) sim điện thoại số thuê bao 0379844985 và số tiền 170.000đ (một trăm bảy mươi nghìn đồng).

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và

tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Phan Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo thống nhất với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của Lương Văn Đàm, các vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Hồi 17 giờ 30 phút ngày 12/12/2019, tại khu vực tổ L (nay là tổ 01), phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, tổ công tác Công an tỉnh Bắc Kạn bắt quả tang Lương Văn Đ và Phan Văn T có hành vi tàng trữ trái phép 2,009 gam ma túy loại Heroin với mục đích để cùng nhau sử dụng chung cho bản thân.

Trong giai đoạn truy tố, Phan Văn T đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng đã tự ý bỏ đi khỏi nơi cư trú, qua xác minh không biết bị can đang ở đâu. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã yêu cầu Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã bị can đồng thời Viện kiểm sát ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can và Quyết định tách vụ án để xử lý sau theo quy định. Ngày 23/5/2020, Phan Văn T ra đầu thú. Ngày 24/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã quyết định phục hồi vụ án đối với bị can Phan Văn T.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phan Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương. Quá trình cùng Lương Văn Đ thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người khởi xướng việc phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, có bố để được tặng Huân chương, sau khi bỏ trốn đã ra đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo đã 03 lần bị Tòa án xét xử nhưng các bản án trước không tính là tái phạm, nhưng chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này phải chịu tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

* Về hình phạt bổ sung: Bị cáo nghiện chất ma túy, không có tài sản, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung "Phạt tiền" theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với xe mô tô BKS 97F6 – 31xx, qua điều tra xác định chiếc xe là do Phan Văn T mượn của chị Hoàng Thị H, sinh năm 1986, trú tại thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Khi cho mượn xe chị H không biết việc T, Đ đã sử dụng xe vào việc phạm tội. Do đó, ngày 30/03/2020 Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe trên cùng chìa khóa xe cho chị H là có căn cứ.

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì kí hiệu T162 và dòng chữ “ Vụ: Phan Văn T (1985) và Lương Văn Đ (1986), Tàng trữ trái phép chất ma túy xảy ra ngày 12/12/2019”. Mặt sau phong bì có 03 (ba) chữ ký không đọc được và 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn. Tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn; 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì kí hiệu C2 và dòng chữ “Vỏ niêm phong ban đầu và giấy gói cũ sau khi cân xác định khối lượng chất ma túy”. Mặt sau phong bì có 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn, có 05 (năm) chữ ký không đọc được, 01 (một) chữ T, 01 (một) dòng chữ Phan Văn T, 01 (một) chữ Đ, 01 (một) dòng chữ Lương Văn Đ, 01 (một) dòng chữ Phương Thanh Th, 01 (một) dòng chữ Phạm Bá Th1, 01 (một) dòng chữ Trần Văn Đ. Tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã tách và xử lý theo hồ sơ vụ án đối Lương Văn Đ là phù hợp.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL V6517, màu đen viền máy màu xanh nước biển đã qua sử dụng. Bên trong có IMEI1: 354489109606126; số IMEI2: 354489109606134 và 01 (một) sim điện thoại số thuê bao 0379844985 là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Số tiền 170.000đ (một trăm bảy mươi nghìn đồng) là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

* Trong vụ án này còn có người phụ nữ đã bán ma túy cho Phan Văn T, do T không biết họ tên, địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra không đủ cơ sở để xác minh, làm rõ.

* Đối với Lương Văn Đ, ngày 23/5/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã ra quyết định tách vụ án và chuyển hồ sơ truy tố đến Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn để xét xử theo quy định.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

* Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự :

Xử phạt bị cáo 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 24/5/2020, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 12/12/2019 đến ngày 21/12/2019 .

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL V6517, màu đen viền máy màu xanh nước biển đã qua sử dụng. Bên trong có IMEI1: 354489109606126; số IMEI2: 354489109606134 và 01 (một) sim điện thoại số thuê bao 0379844985 và số tiền 170.000đ (một trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Công an thành phố Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phan Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh ;
- VKSND thành phố;
- Cơ quan **CSĐT** Công an thành phố;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- ***Trại giam***
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Trần Thị Dương